

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 25-5-2023

V/v: Tranh chấp về hợp đồng kinh tế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Bình.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Thế Hà và Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận  
tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A, địa chỉ: B, phường L Đ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Mã Lệ T – Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mã Lệ T:

- Bà Đoàn Thị Thiên Thanh Th, sinh năm 1975; Nơi cư trú: tổ 01, khu phố 03, thị trấn C Ch, huyện C Ch, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo văn bản ủy quyền được công chứng tại Văn phòng công chứng Dương Thái Hoàng, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 124A, tỉnh lộ 8, khu phố 02, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Phan Thành T, sinh năm 1989 – Phó giám đốc Công ty A; Nơi cư trú: số 25, đường 530, ấp Ngã Tư, xã Nh Đ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Giấy ủy quyền số 01/2023-DHP ngày 21/02/2023 của Công ty A;

2. Bị đơn: Công ty B, địa chỉ: J, khu phố L H, thị trấn L T, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Th – Giám đốc;

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự (nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai thể hiện tại vụ án, lời khai tại phiên tòa nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền là bà Đoàn Thị Thiên Thanh Th và ông Phan Thành T trình bày:*

Công ty A (sau đây viết tắt là Cty Duyên Hữu Ph) có trụ sở tại số B, phường L Đ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 26/7/2019, mã số doanh nghiệp 0315817719, người đại diện theo pháp luật là bà Mã Lệ T – Chức vụ: Giám đốc. Cty Duyên Hữu Ph hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề, trong đó có hoạt động sản xuất, thi công, lắp đặt, sửa chữa mô tơ, máy phát, biến thế điện, sản xuất máy nông nghiệp, thiết bị phân phối và điều khiển điện...

Công ty B (sau đây viết tắt là Cty Thái D) có trụ sở tại J, khu phố L H, thị trấn L T, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 10/3/2009, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần ba ngày 22/11/2018, mã số doanh nghiệp 3400719475, người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn Th – Chức vụ: Giám đốc. Cty Thái D hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề, trong đó có hoạt động xây dựng công trình điện, bán buôn máy móc, thiết bị máy phát điện, động cơ điện, gia công cơ khí...

Ngày 25/10/2019, Cty Duyên Hữu Ph do bà Mã Lệ T làm đại diện có thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế với Cty Thái D do ông Phạm Văn Th làm đại diện theo Hợp đồng kinh tế số 191017/MPD/DHP-TD; Theo đó Cty Duyên Hữu Ph cung cấp, lắp đặt máy phát điện và trạm biến áp cho Cty Thái D, trị giá hợp đồng là 2.424.507.000 đồng.

Khi thực hiện hợp đồng, Cty Duyên Hữu Ph đã cung cấp đầy đủ trang thiết bị, đã lắp đặt hoàn thiện và bàn giao cho Cty Thái D theo đúng hợp đồng đã ký kết, đồng thời lập các Biên bản nghiệm thu, bàn giao hoàn thành đưa vào sử dụng, Biên bản thanh lý hợp đồng. Sau đó Cty Thái D có thanh toán được cho Cty Duyên Hữu Ph số tiền 1.100.000.000 đồng; Hiện còn nợ là số tiền 1.324.507.000 đồng chưa thanh toán. Cty Duyên Hữu Ph đã nhiều lần yêu cầu Cty Thái D thanh toán số tiền còn nợ nhưng Cty Thái D vẫn không thanh toán. Đến ngày 01/7/2020, Cty Thái D có văn bản cam kết trả nợ cho Cty Duyên Hữu Ph, theo đó Cty Thái D cam kết trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày 01/7/2020 đến ngày 20/7/2020 sẽ trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Cty Duyên Hữu Ph. Tuy nhiên cho đến nay, phía Cty Thái D vẫn không thanh toán nên Cty Duyên Hữu Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, yêu cầu Cty Thái D phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 1.324.507.000 đồng nợ gốc và toàn bộ tiền nợ lãi chậm trả phát sinh theo quy định của pháp luật. Thời hạn chậm trả kể từ ngày 21/7/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/5/2023, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận được “Đơn đề nghị” đề ngày 28/02/2023 của ông Phạm Văn Th về việc đề nghị Tòa án hoãn việc lấy lời khai với ông Th do ông bận giải quyết việc đột xuất.

Ngày 25/4/2023 (dấu bưu điện nơi gửi), ông Phạm Văn T tiếp tục làm đơn đề nghị Tòa án hoãn việc lấy lời khai với lý do đang ở tỉnh Tây Ninh bận giải quyết việc đột xuất.

Ngày 12/5/2023, ông Phạm Văn Th tiếp tục làm đơn đề nghị Tòa án hoãn việc lấy lời khai với lý do đang ở tỉnh Tây Ninh bận giải quyết việc đột xuất.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn Cty Thái D do ông Phạm Văn Th là người đại diện theo pháp luật đến Tòa án trình bày bản tự khai, lời khai, đến tham dự phiên hòa giải, phiên tòa, tuy nhiên ông Phạm Văn Th không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

#### **Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Cty Thái D phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 1.324.507.000 đồng nợ gốc và toàn bộ tiền nợ lãi chậm trả phát sinh theo quy định của pháp luật cho Cty Duyên Hữu Ph.

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Cty Duyên Hữu Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Cty Thái D phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng kinh tế” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Cty Duyên Hữu P và Cty Thái D là các tổ chức có đăng ký kinh doanh, có tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại và đều có mục đích lợi nhuận; Bị đơn có

trụ sở tại: thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, lời khai, tuy nhiên bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập;

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên bị đơn cố tình không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Sau khi hòa giải, nguyên đơn có đơn đề nghị từ chối hòa giải do đó căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

2.1 Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ các đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

2.2 Việc vắng mặt của bị đơn: Cty Thái D do ông Phạm Văn Th là người đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập, do đó Tòa án không lấy được lời khai cũng như quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện. Do đó đủ cơ sở xác định bị đơn cố tình trốn tránh, cố tình vắng mặt không vì điều kiện khách quan hay sự kiện bất khả kháng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa vắng mặt bị đơn; nguyên đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa chỉ trụ sở hoạt động và tình trạng đăng ký kinh doanh của Cty Thái D. Tại văn bản số 38/CV-ĐKKD ngày 03/02/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận xác định: Cty Thái Dương được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 10/3/2009, mã số doanh nghiệp 3400719475. Đến thời điểm hiện tại, công ty đăng ký thay đổi 03 lần và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần ba ngày 22/11/2018. Tình trạng pháp lý hiện tại của Cty Thái Dương trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia là đang hoạt động.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Về tính hợp pháp, nội dung và hình thức của Hợp đồng kinh tế: Ngày

25/10/2019, Cty Duyên Hữu Ph có thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế số 191017/MPD/DHP-TD với Cty Thái D, theo đó theo Cty Duyên Hữu Ph cung cấp, thi công, lắp đặt Máy phát điện 250 KVA, Trạm biến áp 250 KVA và đường dây trung thế, Bộ giảm thanh và hệ thống ống khói, Tủ đầu cực máy phát, Dầu nổi cấp từ máy phát điện đến tủ đầu cực máy phát, nghiệm thu, vận hành cho Cty Thái D, trị giá hợp đồng sau thuế là 2.424.507.000 đồng.

Xét đây là hợp đồng có hình thức và nội dung không trái pháp luật, được các chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết bởi những người đại diện hợp pháp nên có giá trị pháp lý ràng buộc các quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng; Người tham gia giao kết hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội là phù hợp theo quy định tại Điều 116, 117 và Điều 119 Bộ luật dân sự.

3.2 Về việc thực hiện Hợp đồng kinh tế và nghĩa vụ thanh toán: Sau khi giao kết hợp đồng, Cty Duyên Hữu Ph đã thực hiện đầy đủ các cam kết và thỏa thuận trong hợp đồng. Cụ thể: Ngày 31/12/2019 các bên đã lập Biên bản nghiệm thu, bàn giao và hoàn thành đưa vào sử dụng đồng thời lập Biên bản thanh lý hợp đồng. Sau đó Cty Thái D chỉ thanh toán được cho Cty Duyên Hữu Ph số tiền 1.100.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 1.324.507.000 đồng chưa thanh toán. Cty Duyên Hữu Ph đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng Cty Thái D không thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2.2, Điều 2 (phương thức thanh toán) của Hợp đồng kinh tế số 191017/MPD/DHP-TD quy định: “...*Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền 700.000.000 đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng; Đợt 2: Thanh toán 100% tổng giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu và bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ...*”. Như vậy căn cứ theo thỏa thuận nêu trên thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản nghiệm thu và bàn giao tức ngày 10/01/2020 thì Cty Thái D phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Cty Duyên Hữu P; Tuy nhiên, nguyên đơn Cty Duyên Hữu Ph không xác định được thời gian Cty Thái D đã trả số tiền 1.100.000.000 đồng; Do đó Hội đồng xét xử xác định thời hạn chậm trả là ngày tiếp theo của Bản cam kết trả nợ tức ngày 21/7/2020.

Ngày 01/7/2020, Cty Thái Dương có Bản cam kết trả nợ gửi cho Cty Duyên Hữu Ph, theo đó cam kết trong thời hạn 20 ngày (kể từ ngày 01/7/2020 đến ngày 20/7/2020) sẽ trả số tiền 1.324.507.000 đồng (*một tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng*). Tuy nhiên đến nay Cty Thái D vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Như vậy có đủ cơ sở xác định hiện nay Cty Thái D còn nợ Cty Duyên Hữu Ph số tiền gốc là 1.324.507.000 đồng (*một tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng*). Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

3.3 Về khoản tiền lãi chậm trả phát sinh và thời hạn chậm trả:

Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2.2, Điều 2 (phương thức thanh toán) của Hợp đồng kinh tế số 191017/MPD/DHP-TD quy định: “...Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền 700.000.000 đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng; Đợt 2: Thanh toán 100% tổng giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu và bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ...”. Như vậy căn cứ theo thỏa thuận nêu trên thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản nghiệm thu và bàn giao tức ngày 10/01/2020 thì Cty Thái D phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Cty Duyên Hữu Ph; Tuy nhiên, nguyên đơn Cty Duyên Hữu Ph không xác định được thời gian Cty Thái D đã trả số tiền 1.100.000.000 đồng; Do đó Hội đồng xét xử xác định thời hạn chậm trả là ngày tiếp theo của Bản cam kết trả nợ tức ngày 21/7/2020.

Mặc dù tại Hợp đồng kinh tế không ghi cụ thể tiền lãi chậm thanh toán, nhưng theo các quy định như đã viện dẫn nêu trên thì Cty Duyên Hữu Ph được quyền yêu cầu Cty Thái D trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó yêu cầu trả lãi chậm trả của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Như vậy Cty Thái D phải chịu trách nhiệm trả tiền chậm trả cho Cty Duyên Hữu Ph, thời hạn chậm trả được tính từ ngày 21/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/5/2023 là 02 năm 10 tháng 04 ngày (365 ngày/năm, 30 ngày/tháng) = 1.034 ngày.

Mức lãi suất: 1.324.507.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 10 tháng 04 ngày = 375.277.006 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn

*không trăm lẻ sáu đồng).*

Vì vậy tổng cộng Cty Thái D phải trả nợ cho Cty Duyên Hữu Ph số tiền 1.699.784.006 đồng (*một tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn không trăm lẻ sáu đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 1.324.507.000 đồng, tiền lãi chậm trả phát sinh là 375.277.006 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, đồng thời nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 116; 117; 119; 357; 385; 386; 398; 401; 430; 434; 435; 436; 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 19; Điều 42; Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Điều 11; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cty Duyên Hữu P; Buộc Cty Thái D phải có trách nhiệm trả cho Cty Duyên Hữu Ph số tiền 1.699.784.006 đồng (*một tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn không trăm lẻ sáu đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 1.324.507.000 đồng, tiền lãi chậm trả phát sinh là 375.277.006 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp

luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## 2. Về án phí:

2.1 Buộc Cty Thái D phải nộp 62.993.521 đồng (*sáu mươi hai triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm hai mươi một đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Trả lại cho Cty Duyên Hữu Ph số tiền 32.836.582 đồng (*ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi hai đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011597 ngày 12/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Bình**